

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2026/HNGĐ-ST

Ngày 28-8-2026

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ứng Văn Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lý Thị Dung

2. Bà Đinh Thị Minh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngoãn – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hân - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 8 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2026/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2026 về việc: Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Sòng A L, sinh năm 1992

Địa chỉ: Bản L, xã S, tỉnh Sơn La. Có mặt

2. *Bị đơn:* Chị Thào Thị T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Bản L, xã S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 03/3/2026, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn anh Sòng A L trình bày:

Anh Sòng A L và chị Thào Thị T tìm hiểu nhau và về chung sống như vợ chồng từ năm 2004 không có đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là do không có tiếng nói chung, cuộc sống chung không hòa hợp, từ đó hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chị T chuyển về ở với bố mẹ từ tháng 7 năm 2025 và sống ly thân đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, anh Sòng A L có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng cho anh chị.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh Sông A L và chị Thảo Thị T có 03 con chung là cháu Sông Thị S, sinh ngày 19/11/2006 đã thành niên và có khả năng lao động; cháu Sông A L, sinh ngày 21/3/2009 và cháu Sông Thị N, sinh ngày 02/6/2011. Khi ly hôn anh Sông A L yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Sông A L và cháu Sông Thị N cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Sông A L chưa yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Anh Sông A L chưa đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Sông A L xin miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Tại bản tự khai đề ngày 25/5/2026 chị Thảo Thị T trình bày:

Chị Thảo Thị T và anh Sông A L tìm hiểu nhau và tự nguyện về chung sống như vợ chồng từ năm 2004 không có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong thời gian chung sống cùng nhau đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cả hai vợ chồng đều đi làm xa nhà, ít quan tâm đến nhau. Chị T và anh L đã sống ly thân nhau từ tháng 7 năm 2025 cho đến nay. Hiện nay anh Sông A L yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 5 – Sơn La giải quyết tuyên bố chị và anh L không phải là vợ chồng; chị T không có ý kiến thắc mắc gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh Sông A L và chị Thảo Thị T có 03 con chung là cháu Sông Thị S, sinh ngày 19/11/2006 đã thành niên và có khả năng lao động; cháu Sông A L, sinh ngày 21/3/2009 và cháu Sông Thị N, sinh ngày 02/6/2011. Khi ly hôn chị yêu cầu anh Sông A L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Sông A L và cháu Sông Thị N cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Chị Thảo Thị T chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh lập ngày 21/7/2026 với Phó trưởng Bản L, xã S, tỉnh Sơn La xác định: anh Sông A L và chị Thảo Thị T là công dân cư trú ở Bản L, xã S, tỉnh Sơn La chung sống với nhau từ năm 2004 đến nay. Việc anh L và chị T có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền hay không cơ sở bản L không nắm được. Trong quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, không còn tình cảm với nhau. Sau khi hai vợ chồng mâu thuẫn đã được gia đình hai bên và chính quyền cơ sở bản hòa giải đã khuyên nhủ, động viên để anh L và chị T quay lại đoàn tụ nhưng không thành.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh Sông A L, chị Thảo Thị T có 03 con chung là cháu Sông Thị S, sinh ngày 19/11/2006 đã thành niên và có khả năng lao động (đã lấy chồng); cháu Sông A L, sinh ngày 21/3/2009 và cháu

Sông Thị N, sinh ngày 02/6/2011 đang ở cùng anh L và gia đình anh L tại bản L, xã S.

Về tài sản chung: Cơ sở bản L, xã S không nắm được.

Tiến hành làm việc với UBND xã S, tỉnh Sơn La xác định không có thông tin đăng ký kết hôn của anh Sông A L và chị Thảo Thị T trong sổ kết hôn và trên hệ thống dữ liệu hôn nhân của UBND xã Suối Tọ.

Toà án nhân dân khu vực 5 – Sơn La đã thực hiện các thủ tục tổng đạt hợp lệ, niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định để chị T thực hiện quyền và nghĩa vụ, trình bày ý kiến, lấy lời khai nhưng chị T không có phản hồi và đều vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án.

Tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 06/8/2026, chị Thảo Thị T vắng mặt, anh Sông A L giữ nguyên yêu cầu, phạm vi khởi kiện, không cung cấp tài liệu chứng cứ hay có yêu cầu gì khác. Chị Thảo Thị T không có mặt nên anh L đã đề nghị không tiến hành hòa giải nên Toà án đã lập biên bản không hoà giải được.

Vì vậy căn cứ vào khoản 1, 4 Điều 207; Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình về quan hệ hôn nhân, yêu cầu nuôi con chung đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 5 – Sơn La xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Sơn La tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký Tòa án đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong việc cung cấp tài liệu chứng cứ để giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự việc Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 58 các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ, khoản 1, Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Sông A L và chị Thảo Thị T.

- Về con chung: Giao cháu Sông A L, sinh ngày 21/3/2009 và cháu Sông Thị N, sinh ngày 02/6/2011 cho anh Sông A L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Sông A L chưa yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Các đương sự chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Xét về hình thức, nội dung đơn khởi kiện của anh Sông A L là phù hợp quy định của pháp luật. Việc khởi kiện trên thuộc trường hợp tranh chấp về Ly hôn (không công nhận quan hệ vợ chồng) theo khoản 7 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại xã Suối Tọ, tỉnh Sơn La vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Sơn La theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Sông A L xác định rằng anh chị chung sống với nhau có tổ chức cưới theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn. Kết quả xác minh với UBND xã S, tỉnh Sơn La xác định anh Sông A L và chị Thào Thị T chung sống với nhau từ năm 2004, không có đăng ký kết hôn.

Trong thời gian chung sống, anh L và chị T sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống chung không thể hòa hợp; anh L và chị T đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2025 đến nay. Khi phát sinh mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Nhận thấy từ tháng 7 năm 2025 đến nay anh L và chị T không còn chung sống với nhau, trong thời gian sống ly thân không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, anh L cho rằng không còn tình cảm với chị T, không thể hàn gắn và quay lại đoàn tụ với nhau. Nay Anh Sông A L đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa anh L và chị T. Hội đồng xét xử xét thấy việc nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà yêu cầu giải quyết thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Sông A L với chị Thào Thị T.

[3]. Về con chung: Hội đồng xét xử nhận thấy anh Sông A L với chị Thào

Thị T có với nhau 03 người con chung tên là Sông Thị S, sinh ngày 19/11/2006 đã thành niên và có khả năng lao động; cháu Sông A L, sinh ngày 21/3/2009 và cháu Sông Thị N, sinh ngày 02/6/2011. Xét thấy các cháu Sông A L, Sông Thị N hiện đang ở, học tập và có cuộc sống ổn định cùng với anh L và có nguyện vọng được ở cùng với anh L. Để tránh ảnh hưởng, gián đoạn đến cuộc sống và việc học tập của các cháu, cũng như để các cháu phát triển ổn định về thể chất, tinh thần, nên Hội đồng xét xử cần xem xét giao các cháu Sông A L, Sông Thị N cho Anh Sông A L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Sông A L chưa yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung.

[5]. Về tài sản chung, tài sản riêng và nợ chung: Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về án phí: Anh Sông A L là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn; do vậy căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh Sông A L.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Sông A L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Sông A L và chị Thào Thị T.

2. Về con chung: Giao các cháu Sông A L, sinh ngày 21/3/2009 và cháu Sông Thị N, sinh ngày 02/6/2011 cho anh Sông A L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi không phải là vợ chồng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Sông A L chưa yêu cầu chị Thào Thị T cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh Sòng A L.

6. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 28/8/2026). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 5 – Sơn La;
- Phòng THADS khu vực 5 - Sơn La;
- UBND xã S, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ứng Văn Cường